

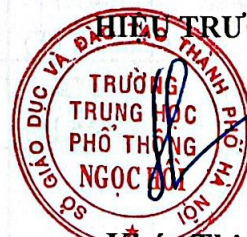
Biểu mẫu 09

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGỌC HỒI

THÔNG BÁO
CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG THPT
NĂM HỌC 2022 -2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo	Theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo	Theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành	Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành	Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối hợp tốt với Ban đại diện CMHS và CMHS. Học sinh có thái độ học tập đúng theo quy định của Điều lệ trường THPT	Phối hợp tốt với Ban đại diện CMHS và CMHS. Học sinh có thái độ học tập đúng theo quy định của Điều lệ trường THPT	Phối hợp tốt với Ban đại diện CMHS và CMHS. Học sinh có thái độ học tập đúng theo quy định của Điều lệ trường THPT
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông	Theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông	Theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Học sinh đạt được năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe theo yêu cầu quy định chung	Học sinh đạt được năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe theo yêu cầu quy định chung	Học sinh đạt được năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe theo yêu cầu quy định chung
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh sau khi tốt nghiệp THPT đảm bảo tiếp tục học tập ở các bậc học tiếp theo cao hơn.	Học sinh sau khi tốt nghiệp THPT đảm bảo tiếp tục học tập ở các bậc học tiếp theo cao hơn.	Học sinh sau khi tốt nghiệp THPT đảm bảo tiếp tục học tập ở các bậc học tiếp theo cao hơn.

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2022



Khúc Thị Huệ

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGỌC HỒI

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ CỦA TRƯỜNG THPT
NĂM HỌC 2021 – 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1591	540	519	532
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1528 (94.06%)	511 (94.63%)	499 (95.15)	518 (97.37%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	56 (3.52%)	29 (5.37%)	14 (2.7%)	13 (2.44%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	6 (0.38%)	0	5 (0.96%)	1 (0.19%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1591	540	519	532
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	721 (45.32%)	216 (40%)	230 (44.32%)	275 (51.69%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	752 (47.27%)	276 (51.11%)	240 (46.24%)	236 (44.36%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	114 (7.17%)	47 (8.7%)	46 (8.86%)	21 (3.95%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	4 (0.25%)	1 (0.29%)	3 (0.58)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1591	100%	100%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	717 (45.07%)	214 (39.63%)	228 (43.93%)	275 (51.69%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	753 (47.33%)	278 (51.45%)	240 (46.24%)	235 (44.17%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban	0	0	0	0



	(tỷ lệ so với tổng số)				
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	02/18	0/2	2/16	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	02	01	01	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	16			16
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				531
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				530
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				530
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	738/853	243/276	220/285	275/392
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	01		01	

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Khúc Thị Huệ



Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGỌC HỒI

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA TRƯỜNG THPT
NĂM HỌC 2022- 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	26	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	13	-
2	Phòng học bán kiên cố	08	-
3	Phòng học tạm	05	-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	05	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1.4	-
8	Bình quân học sinh/lớp	44.5	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	14.690	8.9
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	10.490	6.4
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	24	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	24	
3	Diện tích thư viện (m ²)	60	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	300	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	18	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	37	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	37	
1.1	Khối lớp 10	13	1



1.2	Khối lớp 11	12	1
1.3	Khối lớp 12	12	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	72	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát sét	7	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	27	
5	Thiết bị khác (Hệ thống âm thanh phòng học)	04	
6		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	28	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát sét	7	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	26	
5	Thiết bị khác...	04	
..		

TẠC
 ĐƠN
 NG L
 TH
 OCE
 *

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	6	3/3	0.036	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2022



Khúc Thị Huệ

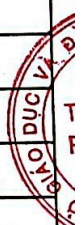
Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGỌC HỒI

THÔNG BÁO

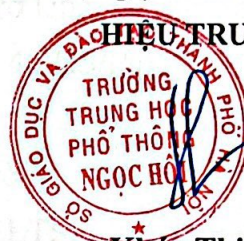
**CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN
CỦA TRƯỜNG THPT NĂM HỌC 2022- 2023**

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp					Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	T C	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	80		23	51	0	3	3	67	4					
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	71		21	47				66	2					
1	Toán	13		3	10				12	1					
2	Lý	7		2	5				7	0					
3	Hóa	7		4	3				7	0					
4	Sinh	4		1	3				4	0					
5	Tin	4		2	2				4	0					
6	Văn	8		3	5				10	0					
7	Sử	4		0	4				4	0					
8	Địa	4		1	3				3	1					
9	GDCD	2		1	1				2	0					
10	Ngoại ngữ	7		2	5				7	0					
11	Thể dục	4		0	4				4	0					
12	GDQP	2		0	2				2	0					
13	Công nghệ	2		1	1				2	0					
II	Cán bộ quản lý	3		2	1				2	1					
1	Hiệu trưởng	1		1						1					
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1				1	1					
III	Nhân viên	9			3		3	3							
1	Nhân viên văn thư	1					1								



2	Nhân viên kế toán	1		1									
3	Thủ quỹ												
4	Nhân viên y tế	1				1							
5	Nhân viên thư viện	1				1							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1		1									
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật												
8	Nhân viên công nghệ thông tin												
9	Khác	3				3							

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2022



Khúc Thị Huệ



CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Thực hiện công khai tài chính theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ (có biểu mẫu đính kèm).

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học năm học 2021-2022:

- Thu Học phí:

+ Học trực tiếp: 95.000đ/tháng/HS

+ Học trực tuyến: 71.000đ/tháng/HS

- Thu dạy thêm học thêm:

+ 7.000đ/tiết/HS đối với lớp có từ 40 HS/lớp trở lên.

+ 8.000đ/tiết/HS đối với lớp có từ 30 đến dưới 40 HS/lớp

- Thu học bổng ngoại ngữ Tiếng Anh:

+ 50.000đ/tiết/HS đối với học sinh học lớp thường.

+ 105.000đ/tiết/HS đối với học sinh học lớp IELTS.

c) Các khoản chi theo từng năm học:

- Các khoản chi lương: 8.027.352.000đ

- Chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo: theo quy chế chi tiêu nội bộ.

- Mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý:

+ Mức cao nhất: 21.645.000 đ

+ Mức thấp nhất: 4.461.000đ

+ Bình quân: 9.696.000đ

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội:

Thực hiện chế độ chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ. Kết quả thực hiện như sau:

- Học kỳ I năm học 2021 – 2022: Miễn học phí cho 02 học sinh là con mồ côi cha mẹ, con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; giảm học phí cho 09 học sinh con hộ cận nghèo.

- Học kỳ II năm học 2021 – 2022: Miễn học phí cho 02 học sinh là con mồ côi cha mẹ, con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; giảm học phí



cho 12 học sinh con hộ cận nghèo. Hỗ trợ chi phí học tập cho 01 học sinh mồ côi cha mẹ, tổng số tiền là 600.000đ.

đ) Kết quả kiểm toán: Không có.

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2022



Khúc Thị Huệ

